

Số: 602/TB-TTYT

Kỳ Sơn, ngày 27 tháng 09 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Cung cấp thuốc năm 2024 thuộc Gói thầu: Cung ứng vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) cho Trung tâm Y tế Kỳ Sơn Nghệ An năm 2024

Kính gửi: Các nhà sản xuất, nhà cung cấp thuốc tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2014; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư 29/2020/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 31/12/2020 quy định về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy định pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành; Thông tư số 06/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ vào kết luận cuộc họp của Hội đồng thuốc và điều trị về việc lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung ứng thuốc năm 2024 của Trung tâm Y tế Kỳ Sơn Nghệ An ngày 26/09/2023;

Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Cung ứng vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) cho Trung tâm Y tế Kỳ Sơn Nghệ An năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Nguyễn Tiên Hùng, SĐT: 0986.877.023.
Email: khoaduoctytk@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Trung tâm Y tế Kỳ Sơn.
- Địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.
- Tên người nhận: Nguyễn Tiên Hùng SĐT: 0986.877.023.
- Nhận qua email: khoaduoctytk@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 27 tháng 09 năm 2023 đến trước 11 giờ 30 phút ngày 06 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vị thuốc y học cổ truyền (*Thông tin chi tiết tại phụ lục 1*).

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Khoa Dược - Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn. Địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

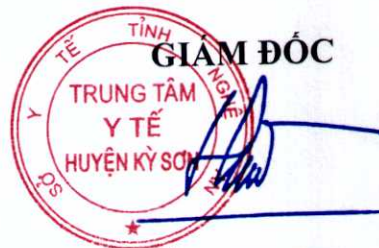
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 1-2/2024

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không

5. Các thông tin khác (nếu có): Đơn vị cung cấp báo giá có thể cung cấp Hồ sơ của sản phẩm, ủy quyền cung ứng/ bán hàng (nếu có), và các giấy tờ liên quan khác vào báo giá để Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn có thêm các thông tin cần thiết trong công tác kiểm tra, rà soát, lựa chọn hàng hóa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thuốc và điều trị TTYT Kỳ Sơn;
- Giám đốc TTYT;
- Webservice TTYT;
- Lưu: VT, KD(BTV).



Sầm Văn Hải

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến khoa Dược - TTYY Kỳ Sơn
1	N001	1	1	Radix Angelicae dahuricae	Bạch chi (rễ)	Nhóm 2	Bạch chi	Thuốc phiến khô (phiến dày 1 - 2cm). Có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột.	TCCS	kg	20	
2	N004	6	7	Ramulus Cinnamomi	Cành	Nhóm 2	Quế chi	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg	30	
3	N094	182	207	Embryo Nelumbinis nuciferae	Cây mầm từ hạt cây sen	Nhóm 2	Liên tâm	Sao qua; Vị thuốc Tâm sen dài khoảng 1 cm, phần trên là chồi mầm màu lục sẫm có đốm vàng hoặc hơi xám, phần dưới là rễ và thân mầm hình trụ màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg	20	
4	N126	226	261	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Nhóm 2	Xuyên khung	Xuyên khung chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu hoặc nâu vàng, thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay.	TCCS	Kg	30	
5	N150	282	321	Semen Nelumbinis	Hạt	Nhóm 2	Liên nhục	Liên nhục sao vàng: Hạt hình trái xoan, dài 1,1 - 1,3 cm, đường kính 0,9 - 1,1 cm. Mặt ngoài còn màng mỏng màu nâu thẫm, có chấm đen, mùi thơm, vị hơi chát. Không còn tâm sen.	TCCS	Kg	20	
6	N168	312	357	Radix Morindae officinalis	Rễ	Nhóm 2	Ba kích	Chích rượu; Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần queo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thể chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị hơi chát.	TCCS	Kg	25	

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến khoa Dược - TTYT Kỳ Sơn
7	N177	333	372	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Nhóm 2	Hoài sơn	Sao vàng; phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bề mặt bên trong có màu trắng, mùi thơm.	TCCS	Kg	20	
8	N003	47	6	Radix Saposmikoviaceae divaricatae	Rễ	Nhóm 3	Phòng phong	Phiến dày 1 - 2mm, màu nâu xám, chắc, lõi màu vàng nhạt, mùi thơm, vị đặc trưng, hơi ngọt.	TCCS	Kg	25	
9	N006	9	10	Radix Asari	Rễ và thân rễ	Nhóm 2	Tế tân	Thuốc phiến, khô, sạch (đoạn dài khoảng 2cm).	TCCS	Kg	15	
10	N017	37	31	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Nhóm 3	Độc hoạt	Thái phiến, dày 1 - 2mm, khô nhuần, màu nâu xám, vị cay, rất đắng.	TCCS	Kg	30	
11	N019	41	35	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ và rễ	Nhóm 3	Khương hoạt	Thái phiến; dày khoảng 5 mm màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.	TCCS	Kg	30	
12	N020	42	36	Herba Piperis lolot	Phần trên mặt đất	Nhóm 2	Lá lốt	Thái ngắn, khô, sạch. Mùi thơm, đặc trưng.	TCCS	Kg	15	
13	N024	53	45	Radix Gentianae macrophyllae	Rễ	Nhóm 3	Tân giao	Thuốc phiến khô (thái lát hoặc cắt khúc ngắn, phơi khô).	TCCS	Kg	20	
14	N025	58	47	Rhizoma Zingiberis	Thân rễ	Nhóm 3	Can khương	Sao vàng; Vị thuốc Can khương là những phiến mỏng có kích thước dài 3 - 5 cm, dày 3 - 5 mm, mặt ngoài phiến có màu hơi vàng, nhám có vị cay, thơm mùi gừng.	TCCS	Kg	15	
15	N040	91	80	Flos Lonicerae	Nụ hoa	Nhóm 2	Kim ngân hoa	Thuốc phiến khô (hoa chùm khô, mềm màu vàng đến nâu, mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng).	TCCS	Kg	20	
16	N043	97	94	Rhizoma Smilacis glabrae	Thân rễ	Nhóm 2	Thổ phục linh	Phiến khô, sạch, dày khoảng 1mm, thịt mềm, màu đỏ nâu.	TCCS	Kg	25	
17	N050	114	117	Cortex Phellodendri	Vỏ thân, vỏ cành	Nhóm 3	Hoàng bá	Hoàng bá chích muối ần: Phiến thuốc có mặt ngoài màu vàng nâu, mặt trong	TCCS	Kg	15	

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến kho Dược - TTYT Kỳ Sơn
								màu nâu nhạt, có nhiều các vết nhăn dọc nhỏ, dài. Hơi xém cạnh. Vết bẻ lõm chõm, thể chất rắn, nhẹ, màu vàng rơm. Mùi thơm đáng.				
18	N056	124	127	Herba Adenosmatis caerulei; Herba Artemisiae Scopariae	Thân cành mang lá và hoa	Nhóm 2	Nhân trần	Cành lá khô, sạch cắt đoạn 2-3cm màu nâu đen, vỏ có mùi thơm	TCCS	Kg	15	
19	N059	106	134	Radix Scrophulariae	Rễ	Nhóm 3	Huyền sâm	Thuộc phiến khô (lát mỏng, khô).	TCCS	Kg	25	
20	N061	135	138	Radix Rehmanniae glutinosae	Rễ củ	Nhóm 3	Sinh địa	Phiến dày 1,5 - 2mm, khô chắc, thịt màu đen, mềm dẻo, vị đắng hơi ngọt. Sinh địa khô chắc, dẻo dai, bên ngoài củ có màu nâu xám, ruột có màu nâu vàng hoặc vàng nâu.	TCCS	Kg	30	
21	N063	35	142	Caulis Tinosporae tomentosae	Dây đau xương	Nhóm 2	Dây đau xương	Thái phiến ngắn, mỏng, khô, sạch.	TCCS	Kg	30	
22	N065	50	149	Herba Loranthi gracilifolii	Đoạn thân, cành, lá	Nhóm 3	Tang ký sinh	Cắt ngắn, khô, sạch.	TCCS	Kg	20	
23	N066	54	151	Rhizoma Homalomenae occultae	Thân rễ	Nhóm 3	Thiên niên kiện	Phiến to dày 3mm, mặt ngoài màu nâu nhạt hay nâu sẫm, có nhiều xơ cứng, màu nâu nhạt hay nâu sẫm, một số sợi màu vàng ngà lõm chõm như bàn chải. Mùi thơm hắc, vị cay.	TCCS	Kg	30	
24	N068	279	153	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	Nhóm 2	Thương truật	Thương truật sao qua: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề mặt phiến có màu trắng đục hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu.	TCCS	Kg	30	

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	DVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến khoa Dược - TTYT Kỳ Sơn
25	N101	194	218	Fructus Aurantii immaturus	Quả	Nhóm 2	Chi thực (chi thực sao cám)	Vị thuốc Chi thực là phiên cắt ngang quả, hình tròn không đều, đường kính 1-3 cm, dày 0,2-0,3cm. Thê chất khô cứng. Bề mặt màu trắng ngà đến vàng tối, một số phiên có màu đen cháy, xung quanh phiên có màu lục tối hay đen cháy. Mùi đặc trưng. Vị chát, cay, chua.	TCCS	Kg	15	
26	N106	203	225	Radix Linderae	Rễ	Nhóm 2	Ô được	Phiên dày 1 - 2mm, viên phiên màu vàng nâu nâu, thịt màu trắng vàng. Mùi thơm, vị hơi đắng, cay, cảm giác mát lạnh.	TCCS	Kg	20	
27	N108	208	230	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Nhóm 3	Trần bì	Trần bì sao vàng: Là những sợi hoặc mảnh nhỏ màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg	15	
28	N110	211	237	Radix Salviae miltiorrhizae	Rễ	Nhóm 3	Đan sâm	Đan sâm chích rượu; phiên thuốc, khô, sạch, mặt ngoài màu đỏ nâu tối, trong màu trắng ngà, có vân. Chất cứng và giòn. Mùi đặc trưng, vị đắng hơi ngọt.	TCCS	Kg	30	
29	N113	296	240	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Nhóm 2	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	Đương quy chích rượu: là những phiên mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.	TCCS	Kg	30	
30	N122	221	251	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Nhóm	Ngưu tất	Ngưu tất chích rượu: Phiên thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất và của rượu.	TCCS	Kg	30	
31	N125	137	260	Radix Paeoniae	Rễ	Nhóm 3	Xích thược	Phiên mỏng, khô, sạch, dày khoảng 3- 5mm.	TCCS	Kg	25	

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến kho Dược - TTYT Kỳ Sơn
32	L093	230	266	Flos Styphnolobii japonici	Nụ hoa	Nhóm 3	Hồ hoa	Hồ hoa sao vàng có màu vàng đậm, mùi thơm, bên trong vàng sáng	TCCS	Kg	20	
33	N131	184	273	Poria	Thẻ quả nấm	Nhóm 3	Bạch linh (phục linh)	Gọt vỏ, thái phiến; Vị thuốc Bạch linh là phiến không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thẻ chất chắc hơi xốp.	TCCS	Kg	25	
34	N147	278	317	Fructus Mali; Fructus Crataegi	Quả chín	Nhóm 3	Sơn tra	Sơn tra sao qua: Là những phiến thuốc màu vàng nâu, chất thịt, vỏ ngoài bong nhẵn nheo, màu nâu, có những vân lốm đốm. Mùi đặc trưng của Sơn tra, vị chua.	TCCS	Kg	20	
35	N159	303	341	Fructus Lycii	Quả chín	Nhóm 3	Câu kỷ tử	Quả nhỏ, sạch, màu đỏ sẫm hoặc đỏ cam, mềm, bóng trong có nhiều hạt.	TCCS	Kg	30	
36	N160	298	343	Radix Fallopieae multiflorae	Rễ	Nhóm 3	Hà thủ ô đỏ (Hà thủ ô đỏ chế)	Chế đậu đen; Vị thuốc Hà thủ ô đỏ là phiến mỏng, khô cứng, có màu nâu thẫm đồng nhất. Vị hơi ngọt.	TCCS	Kg	20	
37	N161	299	346	Arillus Longan	Áo hạt của quả	Nhóm 3	Long nhãn	Miếng dày, mềm, dẻo, sờ không dính tay, màu cánh gián hoặc nâu.	TCCS	Kg	20	
38	N169	328	358	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Nhóm 3	Bạch truật	Bạch truật sao cám mật: Vị thuốc Bạch truật là các phiến màu vàng thẫm, cạnh hơi xém, thẻ chất cứng, Bạch truật sao cám mật có vị đắng, hơi ngọt.	TCCS	Kg	25	
39	N170	329	360	Radix Glycyrrhizae	Rễ	Nhóm 3	Cam thảo	Chích mật; phiến dày 1 - 2 mm; vị thuốc Cam thảo có màu vàng đậm. Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.	TCCS	Kg	30	

TT	Mã HH Mới	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	STT trong TT 15/2020/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng dự trữ	Giá báo giá (Đã bao gồm V.A.T) và chi phí vận chuyển đến kho Dược - TTYT Kỳ Sơn
40	N172	316	364	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Nhóm 3	Cốt toái bỏ	Sao vàng; Vị thuốc Cốt toái bỏ có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.	TCCS	Kg	20	
41	N173	330	365	Fructus Ziziphi jujubae	Quả chín	Nhóm 3	Đại táo	Là những quả khô, sạch	TCCS	Kg	30	
42	N175	331	367	Radix Codonopsis	Rễ	Nhóm 3	Đảng sâm (đảng sâm sao)	Đảng sâm chích gừng: Là những phiến thuốc, khô, sạch, màu trắng ngà, nhuận, mùi thơm, vị hơi ngọt.	TCCS	Kg	30	
43	N176	319	370	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	Nhóm 3	Đỗ trọng	Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cánh con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính đàn hồi như cao su.	TCCS	Kg	25	
44	L126	301	355	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	Nhóm 3	Thục địa	Phiến dày khoảng 5mm, màu đen bóng, thể chất nhuận dẻo, cầm không thấy dính tay, mùi thơm ngọt đặc trưng.	TCCS	Kg	30	